

Câu	Ý	Nội dung	Điểm
1	1 (1,75đ)	* Mục đích chuẩn mực kế toán 04 “TSCĐ VH”: Là quy định và hướng dẫn các nguyên tắc và phương pháp kế toán TSCĐ VH, gồm: Tiêu chuẩn TSCĐ VH, thời điểm ghi nhận, xác định giá trị ban đầu, chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu, xác định giá trị sau ghi nhận ban đầu, khấu hao, thanh lý TSCĐ VH và một số quy định khác làm cơ sở ghi sổ kế toán và lập BCTC.	0,75đ
		* Điều kiện để ghi nhận một tài sản là TSCĐ VH Một tài sản vô hình được ghi nhận là TSCĐ VH phải thỏa mãn đồng thời: - Định nghĩa về TSCĐ VH; và	0,5đ
		- Bốn (04) tiêu chuẩn ghi nhận sau: + Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do tài sản đó mang lại; + Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách đáng tin cậy; + Thời gian sử dụng ước tính trên 1 năm; + Có đủ tiêu chuẩn giá trị theo quy định hiện hành.	0,5đ
2	2 (3,25đ)	* Ví dụ để xác định nguyên giá TSCĐ VH: - Trường hợp mua riêng biệt: Ngày 01/01/N, doanh nghiệp A mua một phần mềm quản lý doanh nghiệp với giá mua chưa thuế 200.000.000 đồng, thuế GTGT 10% thanh toán bằng chuyển khoản 50%, số còn lại nợ. Chi phí chạy thử là 20.000.000 đồng thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng. Thời gian sử dụng hữu ích của phần mềm này 05 năm. Doanh nghiệp áp dụng khấu hao theo phương pháp đường thẳng, giá trị thanh lý ước tính của tài sản này là 0 và áp dụng thuế GTGT theo PP khấu trừ.	0,75đ
		(ĐVT: đồng) Nguyên giá TSCĐ VH = 200.000.000 + 20.000.000 = 220.000.000 đồng Khấu hao TSCĐ VH = 220.000.000/(5 x 12) = 3.600.000 đồng/tháng a. Nợ TK 2135 200.000.000 Nợ TK 1332 20.000.000 Có TK 1121 110.000.000	0,5đ

	<p>Có TK 331 110.000.000</p> <p>b. Nợ TK 6424 3.600.000</p> <p>Có TK 2143 3.600.000</p>	
	<p>- Trường hợp mua kết hợp với TSCĐ HH:</p> <p>Ngày 01/01/N, doanh nghiệp A mua một căn hộ có gắn với quyền sử dụng đất, với giá mua chưa thuế 1.200.000.000 đồng, (trong đó giá trị quyền sử dụng đất là 500.000.000 đồng) thuế GTGT 10% thanh toán bằng chuyển khoản 80%, số còn lại nợ trả sau 01 tháng. Chi phí lệ phí trước bạ là 150.000.000 đồng thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng. Thời gian sử dụng hữu ích của tài sản này 15 năm, căn hộ này sử dụng làm văn phòng của doanh nghiệp. Doanh nghiệp áp dụng khấu hao theo phương pháp đường thẳng và áp dụng thuế GTGT theo PP khấu trừ.</p>	1,0đ
	<p>(ĐVT: đồng)</p> <p>Nguyên giá TSCĐ HH = 700.000.000 + 87.500.00 = 787.500.000 đồng</p> <p>-> Lệ phí trước bạ phân bổ cho TSCĐ HH: (150.000.000/1.200.000.000) x 700.000.00 = 87.500.000 đồng</p> <p>-> Khấu hao TSCĐ HH: 787.500.000/(15 x12) = 4.375.000 đồng/tháng</p> <p>a. Nợ TK 2111 700.000.000 Nợ TK 1332 70.000.000 Có TK 1121 616.000.000 Có TK 331 154.000.000</p> <p>b. Nợ TK 6424 4.375.000 Có TK 2141 4.375.000</p>	0,5đ
	<p>Nguyên giá TSCĐ VH = 500.000.000 + 62.500.00 = 562.500.000 đồng</p> <p>-> Lệ phí trước bạ phân bổ cho TSCĐ VH: (150.000.000/1.200.000.000) x 500.000.000 = 62.500.000 đồng</p> <p>-> Khấu hao TSCĐ VH: 562.500.000/(15 x12) = 3.125.000 đồng/tháng</p> <p>a. Nợ TK 2131 500.000.000 Nợ TK 1332 50.000.000 Có TK 1121 440.000.000 Có TK 331 110.000.000</p> <p>b. Nợ TK 6424 3.125.000 Có TK 2143 3.125.000</p>	0,5đ
	Tổng điểm câu 1	5,0đ

Câu	Ý	Nội dung	Điểm
2	1/ 1,25	Nghiệp vụ 1: Với nghiệp vụ này thì kế toán hạch toán căn cứ theo VAS 06 và tuân thủ nguyên tắc kế toán phù hợp thuộc VAS 01 .	0,5đ
		1.1. Nợ TK 1121 66.000.000 Có TK 3387 60.000.000 Có TK 3331 6.000.000 - Phân bổ doanh thu tháng thứ nhất:	0,5đ
		1.2. Nợ TK 3387 10.000.000 Có TK 511 10.000.000	0,25đ
	2/ 1,75	Nghiệp vụ 2: Với nghiệp vụ này thì kế toán hạch toán căn cứ theo VAS 03 .	0,25đ
		2.1. Nợ TK 2113 700.000.000 Nợ TK 1332 70.000.000 Có TK 331 770.000.000	0,5đ
		2.2. Nợ TK 2113 20.000.000 Có TK 1111 20.000.000	0,5đ
		=> NG = 700.000.000 + 20.000.000 = 720.000.000 đồng KH tháng = 720.000.000 : 120 = 6.000.000 đồng/tháng	0,5đ
		2.3. Nợ TK 6414 6.000.000 Có TK 2141 6.000.000	
	3/ 2,0	Nghiệp vụ 3: Với nghiệp vụ này thì kế toán tuân thủ VAS 17 .	0,25đ
		- Lợi nhuận kế toán trước thuế cả năm của công ty M là 500.000.000 đồng, trong đó: + Thu từ cổ tức được chia 10.000.000 đồng + Chi phí tiếp khách vượt định mức 15.000.000 đồng + Thuế suất thuế TNDN 20% + Trong kỳ tạm nộp thuế TNDN 3 quý 75.000.000 đồng => LN sau thuế = LN trước thuế - Chi phí thuế TNDN CP thuế TNDN = LN trước thuế x Thuế suất thuế TNDN	0,5đ
		- Chi phí thuế TNDN hiện hành phải nộp cả năm: CP thuế TNDN = LN trước thuế x Thuế suất thuế TNDN = (500.000.000 - 10.000.000 + 15.000.000) x 20% = 101.000.000 đồng	0,5đ
		- Vậy LN sau thuế = 500.000.000 - 101.000.000 = 399.000.000 đồng	0,5đ
		- Thuế TNDN hiện hành công ty M còn phải nộp bổ sung cuối năm N: 101.000.000 – 75.000.000 = 26.000.000 đồng	0,25đ
	Tổng điểm câu 2		